

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2023/DS-PT  
Ngày 15-11-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Huy Cường.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Sỹ Trứ

Bà Trần Thị Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 23 tháng 10 và các ngày 8, 15 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử dân sự phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 341/2023/QĐPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Toà nhà Sr – số 111A P, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* 1/ Ông Nguyễn Mạnh T, 2/ Bà Đỗ Thị Thúy H, 3/ Ông Nguyễn Quang M- Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ liên hệ: tầng 6 Toà nhà P– số 26 U, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 05/10/2023). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ 2, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 57/8, tổ 8B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: tổ 2, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn P:* Ông Vũ Công T, sinh năm 1997; địa chỉ: 167/19A Nguyễn Thị Minh K, tổ 2, khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 06/10/2023). Có mặt.

2. Cháu Nguyễn Vũ Trâm A, sinh năm 2008;

3. Cháu Nguyễn Vũ Diệu A, sinh năm 2014;

Cùng địa chỉ: tổ 2, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Trâm A, Diệu A:* Bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ 2, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã ký với bà Vũ Thị Thanh H các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng (sau đây viết tắt là HĐTD) số 4942183.19 ngày 28/8/2019 với nội dung: Ngân hàng cho bà H vay số tiền 2.240.000.000 đồng; mục đích vay vốn: đáp ứng nhu cầu về nhận chuyển nhượng bất động sản; thời hạn vay: 360 tháng. Lãi suất vay: 10,1%/năm. Ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 28. Ngày 28/8/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Vũ Thị Thanh H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4942183(2).19 với số tiền 2.240.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 9873355.20 ngày 06/02/2020 với nội dung: Ngân hàng cho bà H vay số tiền 385.000.000 đồng; mục đích vay vốn: đáp ứng nhu cầu về xây nhà mới hoặc sửa chữa nhà ở; thời hạn vay: 180 tháng. Lãi suất vay: 11,9%/năm. Ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 28. Ngày 07/02/2020, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Vũ Thị Thanh H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9873355.20 với số tiền 385.000.000 đồng.

Hợp đồng/đơn phát hành thẻ tín dụng ngày 19/3/2020 với nội dung: Ngân hàng cấp cho bà H 01 thẻ tín dụng, loại thẻ VIB Financial Free, hạn mức 20.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1754, tờ bản đồ số 4, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 109042, số vào sổ cấp GCN: CS09175 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/6/2018, cập nhật chuyển

nhượng cho bà Vũ Thị Thanh H ngày 16/9/2019. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 7934, Quyền số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng T, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 23/09/2019. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Vũ Thị Thanh H đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD đã ký kể từ ngày 25/7/2022. Tạm tính đến ngày 28/4/2023, bà Vũ Thị Thanh H đã trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 1.100.425.504 đồng (trong đó: nợ gốc 276.400.000 đồng, nợ lãi 824.025.504 đồng) và còn nợ Ngân hàng số tiền là: 2.745.140.105 đồng, bao gồm:

|                              |               |                  |                | Đơn vị     | Đồng          |
|------------------------------|---------------|------------------|----------------|------------|---------------|
| HĐTD                         | Nợ gốc        | Nợ lãi trong hạn | Nợ lãi quá hạn | phí        | Tổng          |
| 4942183.19                   | 2.026.344.000 | 41.402.668       | 254.236.777    | 0          | 2.321.983.445 |
| 9873355.20                   | 322.256.000   | 16.523.891       | 29.400.342     | 0          | 368.180.233   |
| 679-<br>_19032020_9<br>53881 | 21.603.799    | 13.902.803       | 0              | 19.469.825 | 54.976.427    |
| Tổng cộng                    | 2.370.203.799 | 71.829.362       | 283.637.119    | 19.469.825 | 2.745.140.105 |

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

1. Yêu cầu bà Vũ Thị Thanh H thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2023 là 2.745.140.105 đồng, và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ kể từ ngày 29/4/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ;

2. Trường hợp bà Vũ Thị Thanh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền tự phát mại tài sản hoặc quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1754, tờ bản đồ số 4, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

- Bị đơn trình bày:

Bà Vũ Thị Thanh H thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn về thời gian ký hợp đồng, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, số tiền vay, số tiền còn nợ.

Bà Vũ Thị Thanh H có ký với Ngân hàng các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 4942183.19 ngày 28/8/2019 với nội dung: Ngân hàng cho bà H vay số tiền 2.240.000.000 đồng; mục đích vay vốn: đáp ứng nhu cầu về nhận chuyển nhượng bất động sản; thời hạn vay: 360 tháng. Lãi suất vay: 10,1%/năm. Ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 28. Ngày 28/8/2019, Ngân hàng

đã giải ngân cho bà H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4942183(2).19 với số tiền 2.240.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng số 9873355.20 ngày 06/02/2020 với nội dung: Ngân hàng cho bà H vay số tiền 385.000.000 đồng; mục đích vay vốn: đáp ứng nhu cầu về xây nhà mới hoặc sửa chữa nhà ở; thời hạn vay: 180 tháng. Lãi suất vay: 11,9%/năm. Ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 28. Ngày 07/02/2020, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Vũ Thị Thanh H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9873355.20 với số tiền 385.000.000 đồng. Hợp đồng/đơn phát hành thẻ tín dụng ngày 19/3/2020 với nội dung: Ngân hàng cấp cho bà H 01 thẻ tín dụng, loại thẻ VIB Financial Free, hạn mức 20.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1754, tờ bản đồ số 4, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 109042, số vào sổ cấp GCN: CS09175 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/6/2018, cập nhật chuyển nhượng cho bà Vũ Thị Thanh H ngày 16/9/2019. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 7934, quyển số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng T, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 23/9/2019.

Do hiện nay đang gặp khó khăn nên bà H chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì bà H thống nhất thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2023 là 2.745.140.105 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ kể từ ngày 29/4/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; trường hợp bà Vũ Thị Thanh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam có quyền tự phát mại tài sản hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1754, tờ bản đồ số 4, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Bà H xác định không có khả năng trả nợ nên xin chỉ trả nợ gốc với số tiền 2.200.000.000 đồng, xin giảm bớt tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông P và bà Vũ Thị Thanh H kết hôn ngày 29/3/2019. Quá trình chung sống thì ông P và bà H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1754, tờ bản đồ số 4, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ ông Trần Minh T với giá là 2.950.000.000 đồng. Ông P có góp số tiền 1.670.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H thanh toán cho ông T như thế nào thì ông P không rõ. Sau khi chuyển nhượng, ông T có chuyển lại cho ông P số tiền 1.000.000.000 đồng và ông P có sử dụng số tiền này để xây dựng căn nhà trên thửa đất số 1754 với tổng giá trị xây dựng là 1.350.000.000 đồng. Ông P xác định quyền sử dụng đất nêu trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng ông P và bà H. Việc bà H tự ý đưa tài sản đi thế chấp để vay tiền ngân hàng thì ông P không biết. Sau khi biết việc bà H vay tiền ngân hàng thì ông P có cùng bà H thanh toán một phần nợ gốc và lãi phát sinh. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó

khẩn, không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên ông P đề nghị được trả nợ gốc cho Ngân hàng với số tiền 2.200.000.000 đồng. Trường hợp Ngân hàng không đồng ý thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đảm bảo quyền lợi cho ông P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 157, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn bà Vũ Thị Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Vũ Thị Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 2.826.862.690 đồng, bao gồm nợ gốc là 2.370.203.799 đồng, tiền lãi trong hạn là 159.070.143 đồng, lãi quá hạn là 266.182.496 đồng, tiền phí là 31.406.252 đồng.

Kể từ ngày 17/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Thị Thanh H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Vũ Thị Thanh H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trên thì Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1754, tờ bản đồ số 4, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 109042, số vào sổ cấp GCN: CS09175 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/06/2018, cập nhật chuyển nhượng cho bà Vũ Thị Thanh H ngày 16/09/2019 để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị Thanh H phải chịu số tiền 2.000.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/6/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng nhưng bà không kháng cáo vì hợp đồng tín dụng do một mình bà ký vay mặc dù bà đã kết hôn với ông P. Số tiền vay dùng vào việc mua đất, xây nhà vợ chồng bà đang ở nên xác định là nợ chung của vợ chồng. Hiện nay, bà không có tiền trả thì Tòa án tuyên xử sẽ phát mãi toàn bộ tài sản gồm nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng là phù hợp. Đối với việc bà H nộp giấy xác nhận bà chưa kết hôn là do ý kiến của ông P và ông P chính là người đi xin xác nhận giấy này. Từ căn cứ này ngân hàng mới để một mình bà ký hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản.

Ông P trình bày: ông không biết bà P vay tiền của ngân hàng, giấy xác nhận chưa kết hôn của bà H do bà H làm. Ông và bà H cùng bỏ tiền ra mua đất, xây nhà, tiền của ông có được do ông giành dụm trước khi kết hôn với bà H. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bà H phải trả tiền cho ngân hàng là đúng. Tuy nhiên, việc phát mãi tài sản để thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông vì đây là tài sản chung. Ngoài ra bà H và ngân hàng ký các hợp đồng vay, thế chấp là vô hiệu nên ông kháng cáo yêu cầu hủy hợp đồng này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 4942183.19 ngày 28/8/2019, Hợp đồng tín dụng số 9873355.20 ngày 06/02/2020, Hợp đồng/đơn phát hành thẻ tín dụng ngày 19/3/2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4772799.19 ngày 23/9/2019, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 8501039.20 ngày 06/02/2020 được giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn, căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng độc thân ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An xác định bị đơn chưa kết hôn với ai. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P cung cấp giấy đăng ký kết hôn ngày 29/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã D giữa bà H và ông P. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ mâu thuẫn giữa giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và giấy đăng ký kết hôn, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã D ai là người yêu cầu xác nhận giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, để có căn cứ xác định thời điểm bị đơn ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn thì có kết hôn với ông P hay chưa, để xác định quyền sở hữu về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn trình bày bị đơn bà H trực tiếp cung cấp hồ sơ để vay vốn, bị đơn trình bày do ông P làm hồ sơ vay, ông P trình bày không biết việc bà H vay tiền, xét thấy lời khai của các đương sự có mâu thuẫn nên cần làm rõ quy trình cho vay tại ngân hàng, ai là người cung cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, có hay không có việc lừa dối ngân hàng.

Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chưa xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có căn cứ chấp nhận một phần.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, huỷ Bản án sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn P kháng cáo trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung: Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ: bà Vũ Thị Thanh H và Ngân hàng ký kết các Hợp đồng tín dụng số 4942183.19 ngày 28/8/2019 và số 9873355.20 ngày 06/02/2020 để vay tổng số tiền 2.625.000.000 đồng và Hợp đồng/đơn phát hành thẻ tín dụng ngày 19/3/2020 với hạn mức 20.000.000 đồng. Các hợp đồng tín dụng thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân tổng số tiền 2.625.000.000 đồng, bà H đã nhận nợ theo các Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 28/8/2019, 07/02/2020 và đã thanh toán số tiền tổng cộng là 1.100.425.504 đồng (trong đó: nợ gốc 276.400.000 đồng, nợ lãi 824.025.504 đồng). Vì bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng là có cơ sở. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 2.826.862.690 đồng, và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ kể từ ngày 17/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông P, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bà H cung cấp giấy chứng nhận chưa kết hôn cho ngân hàng để thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng, thế chấp là có sự gian dối nhằm để một mình bà vay ngân hàng và thế chấp tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, theo nội dung các hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân thể hiện: Mục đích vay tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất 1754, tờ bản đồ số 4, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và xây nhà mới hoặc sửa chữa nhà ở tại thửa đất trên, đồng thời số tiền vay 2.240.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản của ông Trần Minh T (là bên bán). Ông P cũng thừa nhận đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên từ ông T với giá chuyển nhượng là 2.950.000.000 đồng nên việc ông P cho rằng không biết việc bà H vay tiền và thế chấp tài sản là không có cơ sở.

Theo lời trình bày của ông P, bà H và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có căn cứ xác định tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng. Mặc dù ông P không ký vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nhưng số tiền vay đã sử dụng vào việc mua đất, xây dựng nhà và tài sản này chính là tài sản thế chấp. Ông P cũng thừa nhận đã sử dụng một phần tiền do bà H vay để xây dựng nhà ở và đã cùng bà H trả một phần nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Như vậy, có cơ sở xác định ông P biết việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên và thống nhất với việc thế chấp đó.

Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm để làm rõ về giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà H, vấn đề này trong trường hợp ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan công an điều tra, làm rõ. Do đó không cần thiết hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải nộp do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0007815 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T;
- Tòa án nhân dân thành phố T;
- Lưu: hồ sơ, Tổ Hành chính tư pháp, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Huy Cường**